

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 09-9-2024.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Văn Chính.

- Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXXST-NHGD, ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 01/01/1990.

Địa chỉ: Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Danh D, sinh ngày 01/01/1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lâm Thị Hằng N – Văn phòng L1 – Đoàn Luật sư tỉnh S.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024 nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh D tự nguyện kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 20/4/2022, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

đã hàn gắn nhưng không có kết quả, đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung, cháu Danh Trần Gia P, sinh ngày 30/7/2021 đang sống với chị, cháu Danh Trần Ngọc N1, sinh ngày 02/8/2019 đang sống với anh D, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nếu chị và anh D mỗi người nuôi một cháu thì chị vẫn yêu cầu anh D cấp dưỡng, mức cấp dưỡng tùy ý anh D, cấp dưỡng bao nhiêu cũng được.

Lúc đầu anh D đồng ý chị nuôi 02 con, sau đó anh D bàn lại là anh D nuôi cháu N1 và chị đồng ý. Tuy nhiên sau đó khi chị gọi điện thăm con thì ông bà nội không cho gặp con. Ông bà cũng đã lớn tuổi, bà nội bị bệnh nên sẽ không có điều kiện chăm sóc tốt cho cháu, ông bà ngoại thì còn trẻ, có điều kiện giúp chăm cháu tốt hơn.

Chị hiện bán rau củ ở Thành phố Hồ Chí Minh, ở trọ, thu nhập bình quân khoảng 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Bị đơn anh Danh D trình bày:

Anh và chị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng, trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khoảng một năm nay vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Trong quá trình chung sống có hai người con như chị L trình bày, cháu Danh Trần Gia P, sinh ngày 30/07/2021 đang sống với chị L, cháu Danh Trần Ngọc N1, sinh ngày 02/08/2019 đang sống với anh.

Khi vợ chồng thống nhất không sống chung là chị L với anh đã thoả thuận chị L nuôi cháu P, anh nuôi cháu N1, anh đã dẫn con về sống ở ấp B và đã cho cháu đi học mẫu giáo từ lúc khai trường năm học 2023 – 2024 đến nay.

Anh không đồng ý giao cả hai con cho chị L nuôi, vì anh thấy mỗi người nuôi một đứa sẽ tốt hơn cho các con, chị L còn phải lo làm để nuôi 02 con riêng nên anh mới bàn với chị L anh nuôi cháu N1, cháu P chị L nuôi và chị L cũng gởi về quê nhờ ngoại chăm sóc.

Công việc của anh là làm tài xế, lái xe thuê cho vợ chồng người chị ruột ở ấp B, bình quân thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Đối với yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ L thì anh đồng ý ly hôn, về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh Trần Ngọc N1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Anh đồng ý giao cháu P cho chị L nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung anh thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh D Đặng đề nghị:
Đề nghị giao cháu Danh Trần Ngọc N1 cho anh D nuôi dưỡng.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị công nhận các đương sự thuận tình ly hôn, về con chung đề nghị giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng cháu P, bị đơn nuôi cháu N1, ghi nhận anh D và chị L thoả thuận anh D cấp dưỡng nuôi cháu P 3.000.000 đồng/tháng; Tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, chị L thay đổi yêu cầu, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thay đổi yêu cầu của chị L không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Danh D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân nơi cư trú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị L, anh D trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, chị L và anh D thống nhất ly hôn với nhau, việc các đương sự thuận tình ly hôn là tự nguyện, không vi phạm các quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận cho chị L và anh D được thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị L và anh D có 02 người con chung, chị L yêu cầu nuôi hết 02 người con. Anh D yêu cầu được nuôi cháu N1. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu P hiện đang sống cùng chị L, cháu N1 hiện đang sống cùng anh D. Chị L cho rằng anh D không có điều kiện chăm sóc tốt cho con, tuy nhiên qua kết quả xác minh cho thấy cháu N1 vẫn được chăm sóc tốt, cháu được học hành, chăm ngoan, sức khỏe tốt, cháu N1 do anh D nuôi dưỡng đã gần một năm nay, cuộc sống của cháu đã ổn định, việc chị L đến thăm cháu N1 không được thuận lợi là do giữa chị L và gia đình anh D có phần chưa cư xử với nhau hài hoà, nhưng anh D cũng có đưa cháu N1 về nhà chị L chơi để cho các con được chơi

đua với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho anh D được nuôi cháu N1, chị L nuôi cháu P. Về phía anh D cũng đã cam kết tạo điều kiện thuận lợi để chị L được thăm con, mặc khác theo quy định Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai có quyền cản trở việc thăm con của bên không trực tiếp nuôi con, chị có quyền đề nghị chính quyền địa phương xử lý hành vi cản trở thăm con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị L và anh D thống nhất anh D cấp dưỡng nuôi cháu P, số tiền cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng như trên.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L và anh D1 Dạng mỗi người phải nộp án phí là 75.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[7] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị công nhận các đương sự thuận tình ly hôn, về con chung đề nghị giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng cháu P, bị đơn nuôi cháu N1 là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giao cháu N1 cho bị đơn nuôi là có căn cứ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ L và anh Danh D được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Danh Trần Gia P, sinh ngày 30/7/2021 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao cháu Danh Trần Ngọc N1, sinh ngày 02/8/2019 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị L, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở quyền thăm nom con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thoả thuận giữa chị L và anh D, anh D cấp dưỡng nuôi cháu P số tiền là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp

dưỡng được tính kể từ ngày xét xử (ngày 09/9/2024), cấp dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

- Về án phí: Án phí ly hôn, chị Trần Thị Mỹ L và anh D mỗi người phải nộp án phí là 75.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003892 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, chị L được nhận lại số tiền còn thừa là 225.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh D có nghĩa vụ nộp án phí là 375.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng